TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/DS-ST
Ngày: 16/4/2026
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hà Thị Thu, ông Lê Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Vi Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Đức Hạnh Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số: 03/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: ông Sái Văn Đ, sinh năm 1965. Căn cước số: 001065003405, do Bộ Công an cấp ngày 11/3/2025. Nơi cư trú: cụm 2, L, xã Ô, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: bà Đặng Thị N, sinh năm 1981. CCCD số : 022181012454, do Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021. Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Sái Văn Đ trình bày:

Ông cho bà Đặng Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) từ ngày 17/10/2023. Tại thời điểm vay năm 2023, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ gì, cho vay bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng. Ban đầu ông cho bà N vay chỉ mang tính giúp đỡ, thỏa thuận trong thời hạn từ 07 ngày đến 15 ngày thì bà N sẽ trả lại tiền cho ông, không tính lãi. Tuy nhiên, sau đó bà N vẫn không trả nợ nên ông đã yêu cầu bà Đặng Thị N phải trả nợ và bà N đã viết Giấy nhận nợ cho ông. Gồm: Giấy nhận nợ ngày 31/3/2024; Giấy hẹn trả nợ ngày 06/8/2024; Giấy nhận nợ ngày 03/01/2025; Giấy nhận nợ kiêm ngày trả nợ ngày 13/10/2025; Giấy nhận nợ - kiêm hẹn ngày trả nợ ngày 14/5/2025.

Bà N đã chuyển khoản trả cho ông số tiền là 73.600.000đ (bảy mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong đó, trả gốc: 60.600.000 đồng, trả lãi: 13.000.000 đồng.

Do số tiền lãi đã trả đã vượt quá sồ tiền lãi theo thỏa thuận của hai bên tại Giấy nhận nợ kiêm ngày trả nợ ngày 13/10/2025 nên ông Đ và bà N thống nhất trừ số tiền trả lãi dư vào số nợ gốc mà bà N còn nợ ông Đ. Hiện tại bà N còn nợ ông Đ số tiền là: 135.150.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền nợ gốc. Ông yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền 135.150.000 đồng.

Ông và bà Đặng Thị N đã thỏa thuận về việc tính lãi đối với khoản nợ nói trên, thời gian tính lãi từ ngày 13/10/2025, lãi suất 15%/năm. Như vậy, đến nay bà Đặng Thị N còn nợ ông số tiền là: 208.750.000đ (hai trăm lẻ tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc: 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng), tiền lãi:15%/năm, từ ngày 13/10/2025 đến ngày 16/3/2026, tổng tiền lãi là 8.750.000 đ (tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Bị đơn bà Đặng Thị N trình bày:

Bà thừa nhận có việc vay nợ ông Sái Văn Đ số tiền 200.000.000 đồng ngày 17/10/2023, mục đích vay để trả vào Ngân hàng để vay lại. Ông Đ đã chuyển khoản cho bà số tiền 200 triệu đồng qua tài khoản Ngân hàng, việc vay tiền chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có hợp đồng vay. Do làm ăn khó khăn, bà hiện vẫn chưa trả nợ được cho ông Đ số tiền 200 triệu đồng nói trên và đã viết giấy xin khất nợ với ông Đ vào các ngày 31/3/2024, ngày 06/8/2024, ngày 14/5/2025 và ngày 13/10/2025. Trong đó, tại Giấy nhận nợ kiêm ngày trả nợ ngày 13/10/2025 ông Đ có yêu cầu bà thanh toán thêm tiền lãi, 15%/năm, tổng số tiền lãi là: 8.750.000 đồng.

Tổng số tiền bà nợ ông Đ là 208.750.000 đ (hai trăm lẻ tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc: 200.000.000 đồng, nợ lãi: 8.750.000 đồng. Hiện tại bà đã chuyển khoản trả cho ông Đ số tiền: 73.600.000đ (bảy mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong đó: trả gốc: 60.600.000 đồng, trả lãi: 13.000.000 đồng. Do số tiền lãi đã trả đã vượt quá sồ tiền lãi theo thỏa thuận của hai bên tại Giấy nhận nợ kiêm ngày trả nợ ngày 13/10/2025 nên bà N và ông Đ thống nhất trừ số tiền trả lãi dư vào số nợ gốc mà bà N còn nợ ông Đ. Đến nay, bà còn nợ ông Đ số tiền là: 135.150.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền gốc. Bà xin được trả nợ dần theo từng tháng cho ông Sái Văn Đ, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ còn lại cho ông Đ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/3/2026, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn có mặt trình bày ý kiến về đơn khởi kiện của ông Sái Văn Đ: bà N xin được trả nợ dần theo từng tháng cho ông Sái Văn Đ, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ còn lại cho ông Đ nhưng ông Đ không đồng ý với ý kiến của bị đơn. Do đó, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải. Ông Sái Văn Đ yêu cầu bà Đặng Thị N phải trả ông số tiền gốc 135.150.000 đ, làm tròn là 135.000.000 đồng (ông không lấy số lẻ 150.000 đồng) và số tiền lãi từ ngày 16/3/2026 đến ngày 16/4/2026 là 1.687.300 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị N xác nhận còn nợ ông Đ số tiền 135.000.000 đồng và số tiền lãi 1.687.300 đồng. Bà xin ông Đ trả nợ bằng hình thức trả góp số tiền 5.000.000 đ/tháng vì bà không có khả năng trả hết một lần cho ông Đ. Tiền lương hàng tháng của bà chỉ đủ để nuôi hai con và các sinh hoạt khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; việc triệu tập những người tham gia tố tụng; việc quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo và có căn cứ. Nguyên đơn; bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả ông Sái Văn Đ số tiền nợ gốc 135.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 16/3/2026 đến ngày 16/4/2026 là 1.687.300 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Sái Văn Đ khởi kiện bị đơn bà Đặng Thị N có nơi ở tại thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh yêu cầu bà Đặng Thị N trả số tiền vay nợ năm 2023 nên vụ án tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: ngày 17/10/2023 ông Sái Văn Đ cho bà Đặng Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Tại thời điểm vay năm 2023, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập giấy tờ gì, ông Đ cho bà N vay bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng. Ban đầu ông Đ cho bà N vay chỉ mang tính giúp đỡ, thỏa thuận trong thời hạn từ 07 ngày đến 15 ngày thì bà N sẽ trả lại tiền cho ông, không tính lãi. Sau đó bà N vẫn không trả nợ nên ông Đ đã yêu cầu bà N phải trả nợ và bà N đã nhiều lần viết Giấy nhận nợ cho ông. Ông và bà Đặng Thị N đã thỏa thuận về việc tính lãi đối với khoản nợ nói trên, thời gian tính lãi từ ngày 13/10/2025, lãi suất 15%/năm. Như vậy, bà Đặng Thị N nợ ông Đ số tiền là: 208.750.000đ (hai trăm lẻ tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tiền lãi: 15%/năm, từ ngày 13/10/2025 đến ngày 16/3/2026, tổng tiền lãi là 8.750.000đ (tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Đặng Thị N đã chuyển khoản trả cho ông số tiền là 73.600.000 đ (bảy mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong đó: trả gốc: 60.600.000 đồng, trả lãi: 13.000.000 đồng. Do số

tiền lãi đã trả đã vượt quá số tiền lãi theo thỏa thuận của hai bên tại Giấy nhận nợ kiêm ngày trả nợ ngày 13/10/2025 nên ông Đ và bà N thống nhất trừ số tiền trả lãi dư vào số nợ gốc mà bà N còn nợ ông Đ. Thời gian tính lãi từ ngày 13/10/2025 đến ngày 16/3/2026 đối với số tiền gốc 135.150.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng). Hiện tại, bà N còn nợ ông Đ số tiền là: 135.150.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền nợ gốc và số tiền lãi 1.687.300 đồng tính từ ngày 16/3/2026 đến ngày 16/4/2026.

Bà Đặng Thị N xác nhận có vay của ông Sái Văn Đ số tiền và đã trả nợ gốc, lãi như ông Đ đã trình bày. Hiện nay bà N còn nợ ông Đ số tiền gốc 135.150.000 đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi 1.687.300 đồng tính từ ngày 16/3/2026 đến ngày 16/4/2026. Hội đồng xét xử thấy: bà Đặng Thị N có vay số tiền 200.000.000 đồng của ông Sái Văn Đ. Bà N đã chuyển khoản trả cho ông Đ số tiền: 73.600.000 đ (bảy mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng). Trong đó, trả gốc: 60.600.000 đồng, trả lãi: 13.000.000 đồng. Do số tiền lãi đã trả vượt quá số tiền lãi theo thỏa thuận của hai bên tại Giấy nhận nợ kiêm ngày trả nợ ngày 13/10/2025 nên ông Đ và bà N thống nhất trừ số tiền trả lãi dư vào số nợ gốc mà bà N còn nợ ông Đ. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 15%/năm từ ngày 13/10/2025 đến ngày 16/3/2026 đối với số tiền gốc 135.150.000 đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Hiện bà N còn nợ ông Đ số tiền gốc là: 135.150.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) và số tiền lãi 1 tháng từ ngày 16/3/2026 đến ngày 16/4/2026 là 1.687.300 đồng. Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu bà N trả số tiền gốc 135.000.000đ và số tiền lãi 1 tháng từ ngày 16/3/2026 đến ngày 16/4/2026 là 1.687.300 đồng. Bà N xác nhận bà còn nợ ông Sái Văn Đ số tiền nợ gốc là 135.000.000 đồng và đồng ý với yêu cầu của ông Đ đối với khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 16/3/2026 đến phiên tòa ngày hôm nay (ngày 16/4/2026) là 1.687.300 đồng. Do đó, bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Sái Văn Đ số tiền nợ gốc 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi 1.687.300đ (một triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm đồng) là có căn cứ pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo: yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Sái Văn Đ được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH 15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sái Văn Đ.

Bà Đặng Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Sái Văn Đ số tiền nợ gốc 135.000.000 đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi 1.687.300 đ (một triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự và quyền kháng cáo: bà Đặng Thị N phải nộp án phí sơ thẩm số tiền 6.834.365 đ (sáu triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng).

Trả lại ông Sái Văn Đ số tiền 6.800.000đ (sáu triệu, tám trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000217 ngày 14/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh

Nguyên đơn ông Sái Văn Đ, bị đơn bà Đặng Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Lưu hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Hùng